

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/02/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P9+TD1+AMD	7:25	15+4+3	0+0+0		9+8+5	0+0+0	
2		TD1+RP2+RC5	7:25	19+3+0	0+0+0		14+0+8	0+0+0	
3		BK3+BK4+P2	7:25	6+8+8	0+0+0		2+6+14	0+0+0	
4		VSP02+P6+TD3 <i>↖ ↗</i>	9:25	7+0+15	0+0+0		3+0+19	0+0+0	Chuyen 2 VSP02-P6, chuyen 2 VSP02-TD3
5		P11+BK6+TD5 <i>↖ ↗</i>	9:25	8+0+13	0+0+0		6+0+16	0+0+0	Chuyen 1 P11- BK6
6		BK4+CLO+BK3	9:25	3+15+3	0+0+0		4+14+4	0+0+0	
7		BK15+TD5+TD3	11:25	7+8+6	0+0+0		7+5+8	0+0+0	
8		P1+BK3+P10+BK8 <i>↖ ↗</i>	11:25	14+8+0	0+0+0		10+10+2	0+0+0	
9		P10+CLO+BK20 <i>↖ ↗</i>	13:25	16+5+0	0+0+0		11+8+0	0+0+0	Chuyen 4 CLO- BK20
10		RP1+P9+CTK3	13:25	2+20+0	0+0+0		0+14+6	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 2 người RC5 về bờ đi RP1
2/ 3 người BK3, 3 người BK4 đi về trong ngày

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: P9 - TD1 - AMD	CREW: VThắng - NPhú - PTUẤN	ETA: 09:20
XANH-1			

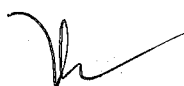
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG TÂM	P9	29	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
2	HOÀNG VĂN HOÀ	P9	25	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
3	HOÀNG MINH TÂN	P9	23-24	2	20		80	YTE	Vietnamese
4	CAO MINH TUÂN	P9	20-21	2	23		72	MERMAID	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC XUÂN	P9	26-27	2	11		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	P9	19	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TẤT THANH	P9	30	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN BÀ KÝ	P9					79	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ LANG TỬ	P9	16	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TÙNG	P9	22	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH HIỀN	P9	17	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN THỂ NHÀN	P9	32-33	2	12		74	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM TIỀN PHƯỢNG	P9	31	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HUY	P9	18	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	STESHIN VALERIY	TD1	36	1	10		165	KHOAN	Russian
16	PHAN VIỆT HÙNG	TD1	37	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ VĂN NGUYỄN	TD1	35	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
18	HUỲNH NGỌC BÌNH	TD1	34	1	15		78	KHOAN	Vietnamese
19	HOÀNG TRUNG KIẾN	AMD	65-66	2	12	110	67	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ TRI TRUNG	AMD	67	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI VĂN QUỐC	AMD	64	1	6		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

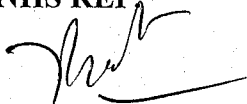
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	14	17	129	992	0	9		NOI BO: NGUYEN TRONG TIEN
2	TD1	4	4	35	371	0	8		
3	AMD	3	4	24	198	110	5		
TOTAL		21	25	188	1.561	110	22		
WEIGHT KG				188	1.561	110			

GRAND TOAL: 1.859 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2023	TO: TD1 - RP2 - RC5	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Nam - Mạnh - Thành	ETA: 09:25
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	QUÁCH VĂN THĂNG	TD1	66	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
2	MAI XUÂN TÙNG	TD1	65	1	3		82	KHOAN	Vietnamese
3	HOÀNG VĂN MINH	TD1	63	1	5	40	65	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ MẠNH HẢI	TD1	67	1	3		82	KHOAN	Vietnamese
5	TRỊNH CAO TRỌNG	TD1	74-75	2	18		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	TD1	64	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ QUANG ĐẠO	TD1	69-70	2	17		85	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD1	68	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN ANH VINH	TD1	62	1	8		60	DVL	Vietnamese
10	MAI HUY TÚ	TD1	59-60	2	18		70	DVL	Vietnamese
11	LÊ ĐÌNH TÂM	TD1	22-23	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM MINH VŨ	TD1	84-85	2	19		80	XAYLAP	Vietnamese
13	LÀ TUÂN LINH	TD1	76-77	2	13		70	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN MINH TÂM	TD1	78-79	2	13		70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN SỸ	TD1	71	1	3		55	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN THÈ TRÀ	TD1	82-83	2	18		65	SCHLUMBE	Vietnamese
17	TRẦN QUANG ỨT	TD1	80-81	2	19		80	SCHLUMBE	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC THỊNH	TD1	86-87	2	19		74	SCHLUMBE	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH TIẾN	TD1	61	1	9		92	KHOAN	Vietnamese
20	HOÀNG ANH THÂN	RP2	66	1	11	25	70	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐOÀN VĂN THỊNH	RP2	08	1	2		50	PSV	Vietnamese
22	ĐỖ MINH HỘI	RP2	69	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	19	29	225	1.418	40	14		1 NB NGUYEN DINH DUC
2	RP2	3	3	18	190	25	0		
3	RC5	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	32	243	1.608	65	22		
WEIGHT KG				243	1.608	65			

GRAND TOAL: 1.916 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: BK3 - BK4 - P2	CREW: ĐỨC - HĐức - ĐANG	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN CÂN	BK3	94	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
2	YUSUPOV DMITPY	BK3	95	1	3		70	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN QUANG THẮNG	BK3				45	77	KH-THAC	Vietnamese
4	THAI HAI HÀ	BK3	93	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ CÔNG VINH	BK3	96	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI TRAN VIET	BK3	97-98	2	13		67	KH-THAC	Vietnamese
7	CHU VĂN LƯƠNG	BK4					70	D-HANH	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN THỌ	BK4	95	1	3		92	D-HANH	Vietnamese
9	ROGINSKY D.K	BK4	06	1	5		90	ANTOAN	Russian
10	TÔ HỮU THẮNG	BK4	300	1	10		83	DK9	Vietnamese
11	VŨ DUY KHÁNH	BK4	93	1	9	60	69	KH-THAC	Vietnamese
12	TÔNG TRUNG HUY	BK4	96	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
13	DUƠNG CHÍ TUYẾN	BK4	94	1	13	50	68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HOÀNG ĐAN	BK4	97	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN HỮU KHÁNH	P2	01	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
16	HỒ CÔNG ANH	P2	07	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ TRI HAO	P2	05	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
18	BIỆN ĐANG SÂM	P2	02	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ VĂN NAM	P2	08	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
20	HOÀNG ĐÌNH QUÊ	P2	06	1	5	20	86	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN ĐỨC DỤC	P2				15	75	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM THIÊN NAM	P2	03	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	6	6	28	404	45	2		
2	BK4	8	7	55	612	110	6		
3	P2	8	7	40	553	35	14		
TOTAL		22	20	123	1.569	190	22		
WEIGHT KG				123	1.569	190			

GRAND TOAL: 1.882 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2023	TO: VSP02 - P6 - TD3	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: ĐỨC - HỨNG - ĐANG	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	67	1	7	12	65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HAI TRUNG	VSP02	66	1	3		65	PSV	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC TÍN	VSP02	65	1	6		60	PSV	Vietnamese
4	QUÁCH ĐẶC THÂN	VSP02	68	1	6		52	PSV	Vietnamese
5	PHẠM TUẤN ANH	VSP02	72	1	9		72	BASON	Vietnamese
6	CÁ HUỖ LỤC	VSP02	76-77	2	18	33	80	BASON	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HOÀI	VSP02	73-75	3	16	70	72	BASON	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH HÙNG	TD3	23	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN NAM CƯỜNG	TD3	79-80	2	8		82	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HƯƠNG	TD3	700	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN HOÀNG NAM	TD3	24	1	4	18	72	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM THANH DŨNG	TD3	81	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ NGỌC THANH	TD3	76-78	3	12		80	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN SANG	TD3	78	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
15	ĐẠO LÊ XUÂN SƠN	TD3	76	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ TĂNG GIÁP	TD3	79	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ HỮU QUỐC THAI	TD3	77	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
18	ĐANG HUY LONG	TD3	25	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3					72	KHOAN	Vietnamese
20	HOÀNG THANH TÚ	TD3					82	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC BAO TÚ	TD3	26	1	6		56	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH NGỌC	TD3	75	1	4		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	7	10	65	466	115	3	4	CHUYEN 2 PAX VSP02-P6, CHUYEN 2 PAX VSP02-TD3
2	P6	0	0	0	0	33	0		
3	TD3	15	16	71	1.101	18	19		
TOTAL		22	26	136	1.567	166	22		
WEIGHT KG				136	1.567	166			

GRAND TOAL: 1.869 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	TO: P11 - BK6 - TD5	CREW: VThắng - NPhú - PTUẤN	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P11	85-86	2	18		80	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẠO THIÊN THUẬT	P11	05	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN KIM SƠN	P11	04	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ HỮU CHÍNH	P11	84	1	12		64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P11	87,01	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ ANH TUẤN	P11	02-03	2	18		78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG THÀNH	P11	83	1	5	60	73	PSV	Vietnamese
8	BUI SONG TOAN	P11	66	1	7		74	DK9	Vietnamese
9	TRẦN VIỆT PHƯƠNG	TD5	61-62	2	11		65	YTE	Vietnamese
10	PHẠM VĂN HƯƠNG	TD5	66	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	BUI ĐÌNH PHÚC	TD5	67-68	2	9		72	KHOAN	Vietnamese
12	HÀ THANH TÙNG	TD5	55	1	6		92	KHOAN	Vietnamese
13	TU DƯƠNG DŨNG	TD5	64	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
14	CAO ĐỨC HAI	TD5	71	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
15	HỒ VĂN TIẾN	TD5	65	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM XUÂN HAI	TD5					76	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM XUÂN THUY	TD5	70	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5	63	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU HOÀN	TD5	73	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VIÊN	TD5	72	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
21	LUU XUAN HANH	TD5	69	1	4		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	8	11	89	572	60	6+1		CHUYEN 1 PAX P11-BK6
2	BK6	0	0	0	0	20	0		
3	TD5	13	14	82	971	0	16		
TOTAL		21	25	171	1.543	80	22		
WEIGHT KG				171	1.543	80			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2023	TO: BK4 - CLO - BK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Nam - Mạnh - Thành	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM HUY ĐÌNH	BK4	83-84	2	15	30	62	T-TIN	Vietnamese
2	DAO XUAN THO	BK4	86	1	5		68	PSV	Vietnamese
3	HA VAN NIEM	BK4	85	1	5		67	PSV	Vietnamese
4	TRẦN QUANG HUY	CLO	31	1	5	55	79	KHOAN	Vietnamese
5	CHU ĐỨC AI	CLO	23	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	CLO	27	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN ĐẶC KIM	CLO	22	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN TÂM	CLO	38	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
9	CAO VĂN VIỆT	CLO	24-25	2	6		75	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG VĂN TRUNG	CLO	34	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGHIÊM XUAN VIỆT	CLO	32	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ VĂN CƯỜNG	CLO	36-37	2	7		87	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN KHAI	CLO	40	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGHIÊM XUAN ANH	CLO	21	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DUY NAM	CLO	39	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM VAN DUOC	CLO	33	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	BUI DUC LUAN	CLO	30	1	5	30	79	KHOAN	Vietnamese
18	VOROBYEV	CLO	26	1	3		98	KHOAN	Russian
19	NGUYEN QUYET CHIEN	BK3	02	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VIET BINH	BK3	03	1	3		60	PSV	Vietnamese
21	DINH VAN LUU	BK3	04	1	4		52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	3	4	25	197	30	4		
2	CLO	15	17	79	1.111	85	14		
3	BK3	3	3	13	181	0	4		
TOTAL		21	24	117	1.489	115	22		
WEIGHT KG				117	1.489	115			

GRAND TOAL: 1.721 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2023	TO: BK15 - TD5 - TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:00
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Linh ; M.Thao-Dung	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU TIEN THANH	BK15	13	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
2	LUONG XUAN THAI	BK15	14	1	15		72	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN QUANG HOANG	BK15	12	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
4	PHUNG HA TAI	BK15	10-11	2	12		102	KH-THAC	Vietnamese
5	LE THANH HIEU	BK15	15-16	2	14		72	CODIEN	Vietnamese
6	VO NGOC THAI SON	BK15	17	1	12	25	73	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TRUNG	BK15	09	1	11		77	PSV	Vietnamese
8	DO HOAI THANH	TD5	74	1	9		70	DVL	Vietnamese
9	DO THANH HAI	TD5	75	1	10		67	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN TUAN DUONG	TD5	82	1	4		83	DVL	Vietnamese
11	VU HAI THANG	TD5	76	1	15		74	DVL	Vietnamese
12	DO VAN THAI	TD5	81	1	14		68	DVL	Vietnamese
13	DAO VAN YEN	TD5	80	1	16		65	DVL	Vietnamese
14	TRAN CONG CHIEN	TD5	77	1	14		80	DVL	Vietnamese
15	PHAM XUAN HUNG	TD5	78-79	2	17		70	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN VAN ANH	TD3	03	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN THUONG VU	TD3	05	1	12		87	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN DAI HUNG	TD3	04	1	8		77	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN DUC LONG	TD3	01-02	2	15		68	DVL	Vietnamese
20	HA DUC THANH	TD3	23	1	10	13	60	PSV	Vietnamese
21	NG VAN LAP	TD3	06	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

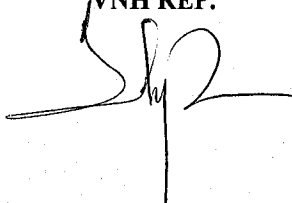
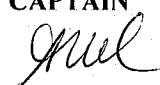
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	7	9	84	539	25	7		
2	TD5	8	9	99	577	0	5		
3	TD3	6	7	59	437	13	8		
TOTAL		21	25	242	1.553	38	20		
WEIGHT KG				242	1.553	38			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/02/2023	TO: P2 - BK5 - P10 - BK8	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Hạnh - N.ANH - Q.Trường	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAI HOANG TAM	P2	17	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM HIEN TRUONG	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
3	VU VAN ĐÔNG	P2	12	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐÌNH ĐẠI	P2	14	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	HỒ HỮU LINH	P2	13	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG THANH TRUNG	P2	15	1	10		81	KH-THAC	Vietnamese
7	DUƠNG CÔNG PHỤNG	P2	16	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN NINH	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ TRƯỜNG KIẾN	P2	18-19	2	20		90	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN VĂN THẮNG	P2	11	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
11	TỔ QUỐC THỊNH	P2	20-21	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HUY HOANG	P2	24	1	8		74	KHI	Vietnamese
13	DUƠNG TRƯỜNG LAM	P2	23	1	4		70	KHI	Vietnamese
14	TRẦN VĂN CUÔNG	P2	22	1	5		51	PSV	Vietnamese
15	LE VAN PHU	P10	45	1	5		75	YTE	Vietnamese
16	DINH DUY HUNG	P10	44	1	5		84	APAVE	Vietnamese
17	TRAN VAN THANG	P10	48	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN CUONG	P10	49	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN THAO	P10					70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN QUOC KHANH	P10	47	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
21	LE TRUONG CHINH	P10	50-52	3	25		60	SINH HUNG	Vietnamese
22	LE QUANG TRUONG	P10	46	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	14	14	92	1.020	0	10	4	CHUYEN 1 KHACH P2 - BK5
2	BK5	0	0	0	0	0	0		
3	P10	8	9	62	589	0	10		
4	BK8	0	0	0	0	103	2		
TOTAL		22	23	154	1.609	103	22		
WEIGHT KG				154	1.609	103			

GRAND TOAL: 1.866 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Huong

Haf

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:00
FLIGHT: 7	TO: P10 - CLO - BK20	CREW: Linh - MTHAO - DTùng	ETA: 16:00
NAU-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ ĐĂNG HOÀNG	P10	58	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	HOÀNG SY NGUYỄN	P10	55	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
3	TRÌNH XUÂN QUÂN	P10	60	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ THANH LIÊM	P10	59	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN KHANH TOÀN	P10	64	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	61	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	63	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10	67-68	2	18		82	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ TRƯỜNG THỊNH	P10	57	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HUÂN	P10	69	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ NGỌC ANH	P10	66	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN BAO TOÀN	P10	62	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ PHƯƠNG HUƠNG	P10	54	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
14	HUYNH CONG VAN	P10	65	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NAM	P10	56	1	6		95	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRONG HOANG	P10	53	1	9		67	DVL	Vietnamese
17	ĐO TUÂN VIỆT	CLO	17	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN BA HƯNG	CLO	14	1	9		81	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TIẾN	CLO	15	1	6		70	DVL	Vietnamese
20	MAI CAO DINH	CLO	16	1	7		60	PSV	Vietnamese
21	NGO VĂN NGHỊ	CLO	13	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	16	17	117	1.204	0	11		CHUYEN 4 CLO-BK20
2	CLO	5	5	38	343	0	8+4		
3	BK20	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		21	22	155	1.547	0	19		
WEIGHT KG				155	1.547	0			

GRAND TOAL: 1.702 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2023	TO: RP1 - P9 - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hạnh - N.ANH - Q.Trường	ETA: 16:25
VANG - 4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THÀNH HAI*	RP1	55	1	8	20	60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VIỆT BANG*	RP1	56	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
3	TRỊNH HUY KHIÊM	P9					73	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN XUÂN HUƠNG	P9	40	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
5	VÕ TUẤN MẠNH	P9	48	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN NGỌC ĐỘ	P9	35	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	41-42	2	7		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	43	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC THANH	P9	47	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG ĐỨC HAI	P9	37	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI CÔNG THẮNG	P9	49	1	18		59	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	P9	68	1	5		69	ANTOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN BAO	P9	72	1	8		65	ANTOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TRUNG THÀNH	P9	70-71	2	14		68	ANTOAN	Vietnamese
15	VŨ VĂN DỤC	P9	69	1	9		69	ANTOAN	Vietnamese
16	PHẠM VĂN KHUÔNG	P9	39	1	10		69	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAN VĂN TUẤN	P9	45-46	2	14		53	XAYLAP	Vietnamese
18	VŨ NAM GIANG	P9	34	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN SĨ	P9	44	1	7		79	XAYLAP	Vietnamese
20	THỊNH TUẤN HAI	P9	38	1	12		88	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAN THANH SƠN	P9	50,67	2	11		81	T-TIN	Vietnamese
22	BUI ĐỨC ANH	P9	36	1	6		69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	2	2	17	128	20	0		
2	P9	20	23	154	1.377	0	14		
3	CTK3	0	0	0	0	80	6		
TOTAL		22	25	171	1.505	100	20		
WEIGHT KG				171	1.505	100			

GRAND TOAL: 1.776 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN